

Số: 27 /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí quy

định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ danh mục thu, cơ quan thu Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mục 2, 3, 4 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND và Phụ lục 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND*) của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

2. Sửa đổi danh mục thu, cơ quan thu Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất tại mục 4 phần II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

3. Sửa đổi tên danh mục thu Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại mục 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

4. Bãi bỏ khoản thu lệ phí “*Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 450.000 đồng/01 giấy xác nhận*” quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND và lệ phí “*Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 225.000*”

đồng/01 giấy xác nhận” quy định tại điểm 2.4 mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá XVII, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận :

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL -Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh; Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

(Đề b/c)



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

Nguyễn S



PHỤ LỤC 01

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ DANH MỤC THU, CƠ QUAN THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số ..27./2024/NQ-HĐND ngày ..11/..12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất							
1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu							
1.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện					100%		UBND cấp huyện
	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	400.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	300.000					
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 Giấy chứng nhận thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định							

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
1.2	<i>Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh</i>			80%	20%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
a	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện						
	+ Diện tích $\leq 0,5$ ha	1 Hồ sơ	900.000				
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.500.000				
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.100.000				
b	- Khu vực còn lại						
	+ Diện tích $\leq 0,5$ ha	1 Hồ sơ	800.000				
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.400.000				
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.000.000				

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
	Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng thì từ thửa thứ 2 tính bằng 60% thửa thứ 1	Hồ sơ/thửa đất					
2.	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất lần đầu						
2.1	<i>Thuộc thẩm quyền cấp huyện</i>					100%	UBND cấp huyện
	Đất hộ gia đình, cá nhân						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	850.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000				
2.2	<i>Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh</i>			80%	20%		Văn phòng ĐKDD tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKDD các huyện, thị xã, thành phố
a	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện						
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.200.000				

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.800.000				
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.400.000				
b	- Khu vực còn lại						
	+ Diện tích \leq 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.100.000				
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.700.000				
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.300.000				
3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất						
3.1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng)			80%	20%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
a	Đất hộ gia đình, cá nhân						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	350.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	250.000				

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
b	Đất tổ chức						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	800.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000				
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 Giấy chứng nhận thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định	1 Hồ sơ					
3.2	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)			80%	20%		Văn phòng ĐKDD tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKDD các huyện, thị xã, thành phố
a	Đất hộ gia đình, cá nhân						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	450.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	350.000				
b	Đất tổ chức						

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.100.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.100.000				
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 Giấy chứng nhận thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định						
3.3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất hoặc về tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận mới			80%	20%		Văn phòng ĐKDD tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKDD các huyện, thị xã, thành phố
a	Đất hộ gia đình, cá nhân						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	550.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	450.000				
b	Đất tổ chức						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.600.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.500.000				

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
c	Đối với các danh mục thủ tục hành chính do bộ phận một cửa của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và Chi nhánh VPĐK đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trả kết quả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thu Phí là UBND cấp huyện, trong đó 20% nộp NSNN cấp huyện và chuyển 80% để lại cho Văn phòng ĐKĐĐ						
3.4	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động đồng thời về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận mới			80%	20%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
a	Đất hộ gia đình, cá nhân						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	900.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	800.000				
b	Đất tổ chức						
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	2.000.000				
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.900.000				
c	Đối với các danh mục thủ tục hành chính do bộ phận một cửa của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và Chi nhánh VPĐK đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trả kết quả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thu Phí là UBND cấp huyện, trong đó 20% nộp NSNN cấp huyện và chuyển 80% để lại cho Văn phòng ĐKĐĐ						

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
3.5	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp	1 Hồ sơ	Bằng 80% mức thu quy định tại số thứ tự 3.3 và 3.4 nêu trên	80%	20%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
Đối với các danh mục thủ tục hành chính do bộ phận một cửa của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và Chi nhánh VPĐK đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp để trả kết quả thì cơ quan thu Phí là UBND cấp huyện, trong đó 20% nộp NSNN cấp huyện và chuyển 80% để lại cho Văn phòng ĐKĐĐ							
3.6	Trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì mức thu bằng mức thu Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu			80%	20%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố

**PHỤ LỤC 02****SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ MỨC THU, CƠ QUAN THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số .27../2024/NQ-HĐND ngày ..11../.12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu
				Đề lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước		
					Tỉnh	Huyện, thị xã, thành phố	
II	LỆ PHÍ						
4	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất						
4.1	Cấp lần đầu						
a	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất	đ/giấy					
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	-	25.000			100%	UBND cấp huyện
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	13.000				
	- Tổ chức	-					
	+ Dưới 500m ²	-	60.000		100%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	80.000				
	- Từ 1000m ² trở lên	-	100.000				

b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất							
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	80.000			100%		UBND cấp huyện
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	40.000					
	- Tổ chức							Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	250.000		100%			
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	300.000					
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	400.000					
4.2	Đăng ký biến động							
a	Đăng ký biến động chỉ về quyền sử dụng đất					100%		Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000					
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10.000					
	- Tổ chức							
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	20.000					
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	20.000					

	+ Từ 1000m ² trở lên	-	20.000					
b	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất				100%			Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000					
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	10.000					
	- Tổ chức							
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	30.000					
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	40.000					
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	50.000					
4.3	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, đăng ký biến động) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất				100%			Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố



PHỤ LỤC 03
SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ DANH MỤC THU LỆ PHÍ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI
SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số ..27./2024/NQ_HĐND ngày ..11../12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Danh mục lệ phí (thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh) đối với việc giải quyết dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến	Đơn vị tính	Mức thu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến
5	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
5.1	Cấp lần đầu		
a	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất	đ/giấy	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	12.500
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/giấy	6.500
	- Tổ chức	đ/giấy	
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	30.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/giấy	40.000
	- Từ 1000m ² trở lên	đ/giấy	50.000
b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	40.000
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/giấy	20.000
	- Tổ chức		
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	125.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/giấy	150.000
	+ Từ 1000m ² trở lên	đ/giấy	200.000
5.2	Đăng ký biến động		
a	Đăng ký biến động chỉ về quyền sử dụng đất		
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	10.000
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	5.000
	- Tổ chức		
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	10.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/lần	10.000
	+ Từ 1000m ² trở lên	đ/lần	10.000
b	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		

	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	10.000
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	5.000
	- Tổ chức		
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	15.000
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	đ/lần	20.000
	+ Từ 1000m ² trở lên	đ/lần	25.000
5.3	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, đăng ký biến động) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		